TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13-8-2025
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Ông Nguyễn Hồng Khanh;

2. Bà Hoàng Thị Trang;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Nam, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà H B Niê, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ trước sáp nhập: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk)

*** Bị đơn** : Ông Lê Văn T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn I, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ trước sáp nhập: Thôn I, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H B Niê trình bày:

Bà H B Niê (nguyên đơn) và ông Lê Văn T (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 15/8/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Qua quá trình chung sống

với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc do không tìm được tiếng nói chung, hiện nay nguyên đơn và bị đơn đã ly thân với nhau từ năm 2015. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 06 con chung là cháu Y Th Niê, sinh ngày 15/02/2006 (đã chết ngày 18/8/2024), cháu H B1 Niê, sinh ngày 23/7/2008, cháu Lê HL Niê, sinh ngày 07/7/2010, cháu Ngọc Nh Niê, sinh ngày 30/4/2013, cháu Lê Tr Niê, sinh ngày 29/8/2015 và cháu Lê Thảo N6, sinh ngày 29/8/2015. Các cháu H B1 Niê, và Lê HL Niê hiện đã nghỉ học để đi học nghề phụ giúp gia đình. Các cháu Ngọc Nh Niê, Lê Tr Niê và Lê Th Niê hiện vẫn đang còn đi học và ở chung với bà H B Niê tại buôn E, xã E, huyện C (N là Buôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Bà H B Niê có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 05 con chung đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn T sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho bị đơn tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao các cháu H B1 Niê,, sinh ngày 23/7/2008, cháu Lê HL Niê, sinh ngày 07/7/2010, cháu Ngọc Nh Niê, sinh ngày 30/4/2013, cháu Lê Tr Niê, sinh ngày 29/8/2015 và cháu Lê Th Niê, sinh ngày 29/8/2015 cho bà H B Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Về tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Lê Văn T có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn I, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk). Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt tất cả đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/8/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau, bị đơn và nguyên đơn thường cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử cho bà H Bin Niê được ly hôn với ông Lê Văn T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 06 con chung là cháu Y Th Niê, sinh ngày 15/02/2006 (đã chết ngày 18/8/2024), cháu H B1 Niê,, sinh ngày 23/7/2008, cháu Lê HL Niê, sinh ngày 07/7/2010, cháu Ngọc Nh Niê, sinh ngày 30/4/2013, cháu Lê Tr Niê, sinh ngày 29/8/2015 và cháu Lê Th Niê, sinh ngày 29/8/2015. Các cháu H B1 Niê, và Lê HL Niê hiện đã nghỉ học để đi học nghề phụ giúp gia đình. Các cháu Ngọc Nh Niê, Lê Trang N5 và Lê Th Niê hiện vẫn đang còn đi học và ở chung với bà H Bin N. Bà H Bin N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 05 con chung đến tuổi thành niên. Xét nguyện vọng của các cháu H B1 Niê, Lê HL Niê, Ngọc Nh Niê, Lê Tr Niê và cháu Lê Th Niê đều muốn tiếp tục được sống chung với mẹ nên cần tiếp tục giao các cháu H B1 Niê, Lê HL Niê, Ngọc Nh Niê, Lê Tr Niê và cháu Lê Th Niê cho bà H B Niê tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H Bin N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H B Niê được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu H B1 Niê,, sinh ngày 23/7/2008, cháu Lê HL Niê, sinh ngày 07/7/2010, cháu Ngọc Nh Niê, sinh ngày 30/4/2013, cháu Lê Tr Niê, sinh ngày 29/8/2015 và cháu Lê Th Niê, sinh ngày 29/8/2015 cho bà H B Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên.

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà H B Niê phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/ 0006907, ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Đắk Lắk). Ông Lê Văn T không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5 - Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Định